

**Phụ lục V****ĐƠN GIÁ BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI VẬT NUÔI LÀ THUỶ SẢN**

(Ban hành kèm theo Quyết định số      /2025/QĐ-UBND ngày      tháng 5 năm 2025 của UBND tỉnh Đắk Lắk)

| TT | Tên loài thủy sản | Mật độ nuôi (con/m <sup>2</sup> ) | Tỷ lệ sống (%) | Thời gian nuôi đến khi thu hoạch (tháng) | Khối lượng bình quân khi thu hoạch (kg) | Giá trung bình (đồng/kg) | Đơn giá xác định đến khi thu hoạch (đồng/m <sup>2</sup> ) | Đơn giá bồi thường thiệt hại theo thời gian nuôi (đồng/m <sup>2</sup> ) |                         |                         |                         |                         |                         |                         |                         |
|----|-------------------|-----------------------------------|----------------|------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------|-----------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------|-------------------------|
|    |                   |                                   |                |                                          |                                         |                          |                                                           | ≤ 1 tháng                                                               | > 1 tháng đến ≤ 2 tháng | > 2 tháng đến ≤ 3 tháng | > 3 tháng đến ≤ 4 tháng | > 4 tháng đến ≤ 5 tháng | > 5 tháng đến ≤ 6 tháng | > 6 tháng đến ≤ 7 tháng | > 7 tháng đến ≤ 8 tháng |
| 1  | Cá rô đồng        | 50                                | 80             | 8                                        | 0,08                                    | 42.406                   | 135.700                                                   | 16.962                                                                  | 33.925                  | 50.887                  | 67.850                  | 84.812                  | 101.775                 | 118.737                 | -                       |
| 2  | Cá lóc            | 10                                | 70             | 8                                        | 0,5                                     | 68.949                   | 241.323                                                   | 30.165                                                                  | 60.331                  | 90.496                  | 120.661                 | 150.827                 | 180.992                 | 211.157                 | -                       |
| 3  | Cá rô phi         | 7                                 | 70             | 8                                        | 0,5                                     | 34.553                   | 84.655                                                    | 10.582                                                                  | 21.164                  | 31.746                  | 42.328                  | 52.910                  | 63.492                  | 74.073                  | -                       |
| 4  | Cá Diêu hồng      | 7                                 | 70             | 8                                        | 0,5                                     | 47.903                   | 117.363                                                   | 14.670                                                                  | 29.341                  | 44.011                  | 58.682                  | 73.352                  | 88.022                  | 102.693                 | -                       |
| 5  | Tôm càng xanh     | 20                                | 50             | 6                                        | 0,03                                    | 199.309                  | 59.793                                                    | 9.965                                                                   | 19.931                  | 29.896                  | 39.862                  | 49.827                  | -                       | -                       | -                       |
| 6  | Ếch               | 80                                | 60             | 6                                        | 0,2                                     | 88.268                   | 847.370                                                   | 141.228                                                                 | 282.457                 | 423.685                 | 564.913                 | 706.142                 | -                       | -                       | -                       |
| 7  | Cá chép           | 3,0                               | 70             | 10                                       | 0,4                                     | 47.432                   | 39.843                                                    | 3.984                                                                   | 7.969                   | 11.953                  | 15.937                  | 19.921                  | 23.906                  | 27.890                  | 31.874                  |
| 8  | Cá trắm cỏ        | 2,5                               | 70             | 10                                       | 0,6                                     | 46.019                   | 48.320                                                    | 4.832                                                                   | 9.664                   | 14.496                  | 19.328                  | 24.160                  | 28.992                  | 33.824                  | 38.656                  |
| 9  | Cá chim trắng     | 4                                 | 70             | 10                                       | 0,8                                     | 38.637                   | 86.546                                                    | 8.655                                                                   | 17.309                  | 25.964                  | 34.619                  | 43.273                  | 51.928                  | 60.582                  | 69.237                  |
| 10 | Lươn              | 60                                | 60             | 10                                       | 0,3                                     | 117.795                  | 1.272.186                                                 | 127.219                                                                 | 254.437                 | 381.656                 | 508.874                 | 636.093                 | 763.312                 | 890.530                 | 1.017.749               |
| 11 | Cá chình          | 10                                | 70             | 12                                       | 0,8                                     | 201.665                  | 1.129.324                                                 | 94.110                                                                  | 188.221                 | 282.331                 | 376.441                 | 470.552                 | 564.662                 | 658.772                 | 752.883                 |
| 12 | ba ba             | 2                                 | 70             | 18                                       | 1,2                                     | 345532                   | 580.494                                                   | 32.250                                                                  | 64.499                  | 96.749                  | 128.999                 | 161.248                 | 193.498                 | 225.748                 | 257.997                 |
| 13 | Cá tầm            | 8                                 | 70             | 18                                       | 1,5                                     | 285.849                  | 2.401.133                                                 | 133.396                                                                 | 266.793                 | 400.189                 | 533.585                 | 666.981                 | 800.378                 | 933.774                 | 1.067.170               |

| TT | Tên loài thủy sản | Đơn giá bồi thường theo thời gian nuôi (đồng/m <sup>2</sup> ) |                                |                                 |                                 |                                 |                                 |                                 |                                 |                                 |
|----|-------------------|---------------------------------------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
|    |                   | > 8 tháng đến<br>≤ 9 tháng                                    | > 9 tháng<br>đến ≤ 10<br>tháng | > 10 tháng<br>đến ≤ 11<br>tháng | > 11 tháng<br>đến ≤ 12<br>tháng | > 12 tháng<br>đến ≤ 13<br>tháng | > 13 tháng<br>đến ≤ 14<br>tháng | > 14 tháng<br>đến ≤ 15<br>tháng | > 15 tháng<br>đến ≤ 16<br>tháng | > 16 tháng<br>đến ≤ 17<br>tháng |
| 1  | Cá rô đồng        | -                                                             | -                              | -                               | -                               | -                               | -                               | -                               | -                               | -                               |
| 2  | Cá lóc            | -                                                             | -                              | -                               | -                               | -                               | -                               | -                               | -                               | -                               |
| 3  | Cá rô phi         | -                                                             | -                              | -                               | -                               | -                               | -                               | -                               | -                               | -                               |
| 4  | Cá Diêu hồng      | -                                                             | -                              | -                               | -                               | -                               | -                               | -                               | -                               | -                               |
| 5  | Tôm càng xanh     | -                                                             | -                              | -                               | -                               | -                               | -                               | -                               | -                               | -                               |
| 6  | Ếch               | -                                                             | -                              | -                               | -                               | -                               | -                               | -                               | -                               | -                               |
| 7  | Cá chép           | 35.859                                                        | -                              | -                               | -                               | -                               | -                               | -                               | -                               | -                               |
| 8  | Cá trắm cỏ        | 43.488                                                        | -                              | -                               | -                               | -                               | -                               | -                               | -                               | -                               |
| 9  | Cá chim trắng     | 77.892                                                        | -                              | -                               | -                               | -                               | -                               | -                               | -                               | -                               |
| 10 | Lươn              | 1.144.967                                                     | -                              | -                               | -                               | -                               | -                               | -                               | -                               | -                               |
| 11 | Cá chình          | 846.993                                                       | 941.104                        | 1.035.214                       | -                               | -                               | -                               | -                               | -                               | -                               |
| 12 | ba ba             | 290.247                                                       | 322.497                        | 354.746                         | 386.996                         | 419.245                         | 451.495                         | 483.745                         | 515.994                         | 548.244                         |
| 13 | Cá tầm            | 1.200.567                                                     | 1.333.963                      | 1.467.359                       | 1.600.756                       | 1.734.152                       | 1.867.548                       | 2.000.944                       | 2.134.341                       | 2.267.737                       |

Ghi chú: .

1. Đơn giá bồi thường thiệt hại cho vật nuôi là thủy sản được quy định tại Phụ lục này là nuôi thâm canh.
2. Đơn giá bồi thường thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản nuôi bán thâm canh: Bằng 50% đơn giá bồi thường tương ứng thủy sản nuôi thâm canh được quy định tại Phụ lục V ban hành kèm theo Quyết định này.
3. Trường hợp nuôi xen canh nhiều thủy sản khác nhau trên cùng diện tích thì số lượng được quy đổi cho thủy sản nuôi chính có tỷ lệ thả nuôi lớn nhất và mức bồi thường thiệt hại được tính như thủy sản nuôi bán thâm canh.
4. Trường hợp thời gian nuôi thực tế lớn hơn thời gian nuôi/vụ nuôi thì được xác định đã đến kỳ thu hoạch.
5. Đối với các tổ chức, cá nhân có thuê đất để sản xuất nông nghiệp thì khi xây dựng phương án bồi thường được tính thêm chi phí thuê đất theo quy định để xác định tổng chi phí đầu tư khi bồi thường thiệt hại